SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT VẠN XUÂN - HD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 199/QĐ-THPTVX

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Vạn Xuân – Hoài Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VẠN XUÂN - HOÀI ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 3351/TB-SGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân năm 2021 đối với Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VẠN XUÂN HOÀI ĐỨC

Nguyễn Bá Hùng

Mẫu biểu 2b

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Năm 2021

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số ……../TB-SGDĐT ngày / / của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	C
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
01	Doanh thu (01=02+03+04)	14.752.272.238
02	a. Từ NSNN cấp	14.752.272.238
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
05	Chi phí (05=06+07+08)	12.371.847.455
06	a. Chi phí hoạt động	12.371.847.455
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
08	c. Chi phí hoạt động thu phí	
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	2.380.424.783
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
10	Doanh thu	4.258.274.413
11	Chi phí	4.213.503.924
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	44.770.489
	Hoạt động tài chính	
20	Doanh thu	
21	Chi phí	
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	
	Hoạt động khác	
30	Thu nhập khác	
31	Chi phí khác	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
40	**Chi phí thuế TNDN**	
41	**Các khoản phải nộp NSNN khác**	
50	**Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)**	**2.425.195.272**
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
52	Phân phối cho các quỹ	2.380.424.783
53	Kinh phí cải cách tiền lương	